

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 11 /TTr- ĐHĐCĐ 2016

Long An, ngày 14. tháng 6 năm 2016

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi Điều lệ Công ty theo Luật Doanh nghiệp 2014

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét sửa đổi Điều lệ Công ty hiện hành nhằm kịp thời áp dụng quy định của Luật Doanh nghiệp từ ngày 01/7/2015. Điều lệ này gồm 21 chương, 55 điều.

Toàn văn dự thảo Điều lệ đã được đăng tải trên website: www.lawaco.com.vn của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ 2016;
- Thành viên HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu thư ký HĐQT.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phạm Quốc Thắng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

Long An – tháng 6 năm 2016

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Giải thích từ ngữ	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	5
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	5
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty	5
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	6
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	7
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	7
Điều 6. Cổ phiếu	7
Điều 7. Chuyển nhượng cổ phần	8
Điều 8. Thu hồi cổ phần	8
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT	8
Điều 9. Cơ cấu tổ chức quản lý	8
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	9
Điều 10. Quyền của cổ đông	9
Điều 11. Nghĩa vụ của cổ đông	10
Điều 12. Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 13. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 14. Các đại diện được ủy quyền	13
Điều 15. Thay đổi các quyền liên quan đến cổ phần ưu đãi	13
Điều 16. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 18. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 19. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 21. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 22. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	21
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	21
Điều 23. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT	21
Điều 24. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT	23
Điều 25. Chủ tịch Hội đồng quản trị	25
Điều 26. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	25
VIII. HỆ THỐNG QUẢN LÝ, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	28
Điều 27. Tổ chức bộ máy quản lý	28
Điều 28. Người đại diện theo Pháp luật	28
Điều 29. Ban Tổng giám đốc	30
Điều 30. Cán bộ quản lý khác	30
Điều 31. Kế toán trưởng	31
Điều 32. Thư ký Công ty	31
IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ	31

Điều 33. Thành viên HĐQT, Người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ sau đây :	32
Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	32
Điều 35. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	33
X. BAN KIỂM SOÁT	33
Điều 36. Thành viên Ban kiểm soát	33
Điều 37. Ban kiểm soát.....	34
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	35
Điều 38. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	35
XII. CÁC TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ ĐOÀN THỂ	35
Điều 39. Các tổ chức đảng và đoàn thể	35
XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN.....	36
Điều 40. Cổ tức.....	36
Điều 41. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận.....	37
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, TRÍCH LẬP QUỸ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	37
Điều 42. Tài khoản ngân hàng.....	37
Điều 43. Trích lập quỹ.....	37
Điều 44. Năm tài chính.....	37
Điều 45. Hệ thống kế toán.....	37
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	37
Điều 46. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý	38
Điều 47. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng	38
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	38
Điều 48. Kiểm toán.....	38
XVII. CON DẤU	38
Điều 49. Con dấu	38
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	38
Điều 50. Chấm dứt hoạt động.....	38
Điều 51. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên HĐQT và cổ đông	39
Điều 52. Thanh lý	39
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	39
Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	39
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	40
Điều 54. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	40
XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	40
Điều 55. Ngày hiệu lực.....	40
KÝ XÁC NHẬN	41

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty cổ phần Cấp Thoát Nước Long An (dưới đây gọi là "Công ty") là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Công ty, một Công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp. Điều lệ, các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết, quyết định của HĐQT và các quyết định khác do Công ty ban hành nếu đã được thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được thông qua bởi các cổ đông Đại hội đồng cổ đông vào ngày tháng 6 năm 2016 (sau đây gọi là "Điều lệ"); gồm 21 Chương và 55 Điều.

Điều lệ này thay thế Điều lệ cũ của Công ty được thông qua bởi các cổ đông tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông ngày 9/4/2015.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

- a. "Công ty" được hiểu là Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An .
- b. "Hội đồng Quản trị" được hiểu là Hội đồng quản trị của Công ty: viết tắt là HĐQT.
- c. "Ban kiểm soát" được hiểu là Ban kiểm soát của Công ty: viết tắt là BKS.
- d. "Cổ đông" là mọi thể nhân và pháp nhân đang sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.
- e. "Đại hội đồng cổ đông" được hiểu là toàn bộ các cổ đông hoặc đại diện cổ đông của Công ty: viết tắt là ĐHĐCĐ.
- f. "Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.
- g. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.
- h. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- i. "Cán bộ quản lý" là Tổng giám đốc; Phó tổng giám đốc; Kế toán trưởng; các Trưởng/phó phòng ban; Giám đốc, Phó giám đốc hoặc Trưởng các đơn vị trực thuộc Công ty.
- j. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Điều 4.17 của Luật Doanh nghiệp.
- k. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2.6 của Điều lệ này và thời gian gia hạn được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.
- l. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- m. "Địa bàn kinh doanh" được hiểu là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.
- n. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

o. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;

p. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC NƯỚC LONG AN**

Tên tiếng Anh: **LONG AN WATER SUPPLY SEWERAGE JOINT STOCK COMPANY**

Tên giao dịch: **LAWACO**

Tên viết tắt: **LAWACO**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

Địa chỉ : 250 Hùng Vương, Phường 4, thành phố Tân An, Tỉnh Long An

Điện thoại : (072) 3825 114

Fax : (072) 3826 040

E-mail : info@lawaco.vnn.vn

Website : www.lawaco.com.vn

4. Chủ tịch HĐQT là đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Công ty:

Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của HĐQT và trong phạm vi luật pháp cho phép.

Trong trường hợp các chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty được thành lập mới hoặc đóng cửa hoặc thay đổi trụ sở theo quyết định của HĐQT thì HĐQT có thẩm quyền ra quyết định sửa đổi, bổ sung các nội dung tương ứng trong Điều lệ này.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 51 và Điều 52 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và vô thời hạn.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

STT	Tên ngành, nghề	Mã
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước (trên địa bàn thành phố Tân An và một số khu công nghiệp trong	3600

	tinh);	
2	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
3	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí(Thi công lắp đặt hệ thống cấp thoát nước);	4322
4	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan(Dịch vụ khoan giếng; Tư vấn, thiết kế, lập dự toán các công trình lắp đặt hệ thống đường ống cung cấp, thoát nước;)	7110
5	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh(Kinh doanh các loại vật tư – thiết bị cấp thoát nước);	4752
6	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu (Bán buôn kính phẳng; - Bán buôn đồ ngũ kim và khoá; Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; Bán buôn bình đun nước nóng; Bán buôn thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...; Bán buôn dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác.);	4663
7	Sản xuất đồ uống không có cồn, nước khoáng (sản xuất nước uống đóng chai).	1104

Ngành nghề hoạt động của Công ty sẽ được điều chỉnh tùy theo yêu cầu phát triển của Công ty trong từng giai đoạn và phù hợp với quy định pháp luật.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là :

- Góp phần quan trọng nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của doanh nghiệp; tạo ra loại hình doanh nghiệp có nhiều chủ sở hữu, trong đó có đông đảo người lao động; tạo động lực mạnh mẽ và cơ chế quản lý năng động cho doanh nghiệp để sử dụng có hiệu quả vốn, tài sản của nhà nước và của doanh nghiệp.

- Huy động vốn của cá nhân, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội trong nước và ngoài nước để đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển doanh nghiệp.

- Phát huy vai trò làm chủ thực sự của người lao động, của các cổ đông; tăng cường sự giám sát của nhà đầu tư đối với doanh nghiệp; bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà Nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động.

- Mở rộng và phát triển đồng bộ các lĩnh vực hoạt động mà Công ty có ưu thế, tạo nền tảng phát triển một cách ổn định, lâu dài và vững chắc.

- Tối đa hóa hiệu quả hoạt động, bảo toàn và phát triển vốn, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông, thực hiện nghĩa vụ đầy đủ với nhà nước.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được HĐQT phê chuẩn.

3. Công ty có thể mở rộng phạm vi sản xuất, kinh doanh sang các lĩnh vực mới (mà pháp luật yêu cầu phải thực hiện đăng ký kinh doanh), thì việc thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh tại các lĩnh vực mới này chỉ được thực hiện sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là: 122.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi hai tỷ đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 12.200.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/ cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi có nhu cầu đầu tư, phát triển, mở rộng sản xuất kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Toàn bộ các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần được quy định tại Điều 11 và Điều 12 của Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Do Công ty có tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hóa, thời điểm cổ phần hóa đã quá ba năm so với ngày thông qua Điều lệ này, do đó những quy định đối với cổ đông sáng lập của Công ty không còn hiệu lực.

6. Theo điều 122 , khoản 1 Luật Doanh nghiệp việc chào bán cổ phần theo qui định pháp luật hiện hành

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và HĐQT có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 6. Cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 Điều 6 của Điều lệ này.

2. Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.

3. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 (hai) tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.

4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.

5. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cấp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 7. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.

Điều 8. Thu hồi cổ phần

1. HĐQT có quyền thu hồi đối với số cổ phần mà cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn tiền mua cổ phần.

2. Trường hợp nếu hết thời hạn thanh toán tiền mua cổ phần mà cổ đông chưa thanh toán hết tiền mua cổ phần, HĐQT căn cứ vào tình hình thực tế để đưa ra quyết định thu hồi cổ phần theo quy định tại Điều 9.1 hoặc HĐQT có thể quyết định gia hạn thời hạn thanh toán tiền mua cổ phần thì HĐQT có thể ấn định một mức lãi suất chậm thanh toán đối với khoản tiền chậm thanh toán đó. Mức lãi suất chậm thanh toán phải nằm trong biên độ được phép theo quy định của pháp luật hiện hành. Việc gia hạn thời hạn thanh toán tiền mua cổ phần phải được thông báo công khai tại Công ty và thông báo tới các cổ đông/người đăng ký mua cổ phần.

3. Trường hợp HĐQT ra thông báo nêu tại Điều 9.2 thì ghi rõ điều khoản thanh toán mới (tối thiểu bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo này không được thực hiện, HĐQT có quyền thu hồi số cổ phần đó.

4. Điểm c khoản 3 điều 112 luật Doanh nghiệp

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 10% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của HĐQT kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. HĐQT có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 9. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. HĐQT;

- c. Ban Kiểm soát;
- d. Ban Tổng giám đốc.

e. Các công ty con, công ty thành viên hoặc doanh nghiệp mà Công ty tham gia góp vốn. Thẩm quyền quyết định thông qua mức vốn góp (hoặc vốn thành lập) vào công ty thành viên, công ty con do Đại hội đồng cổ đông hoặc HĐQT hoặc Người đại diện theo pháp luật quyết định tùy thuộc vào mức độ vốn. HĐQT có thẩm quyền quyết định cử người đại diện vốn của Công ty tại các công ty con, công ty thành viên hoặc doanh nghiệp mà Công ty tham gia góp vốn.

f. HĐQT có thẩm quyền quyết định thành lập, giải thể các Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Phân xưởng/Xí nghiệp của Công ty trên cơ sở đề nghị của Người đại diện theo pháp luật.

g. Người đại diện theo pháp luật có thẩm quyền thành lập, giải thể các phòng chức năng trực thuộc Công ty; và có thẩm quyền xây dựng mô hình, ban hành các chính sách đối với Đại lý của Công ty.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 10. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a. Tham gia các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền;

b. Nhận cổ tức : với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông .

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành trừ trường hợp Điều lệ này, pháp luật hoặc Nghị quyết đại hội đồng Cổ đông/ HĐQT có quy định khác;

d. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 của Luật Doanh nghiệp;

i. Các quyền khác theo quy định của Luật doanh nghiệp

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:

a. Đề cử các thành viên HĐQT hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 24.3 và 37.2 Điều lệ này;

b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo Khoản 3 Điều 114 Luật Doanh nghiệp;

c. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát

d. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.

e. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

f. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và theo quy định của Pháp luật.

4. Các quyền của các cổ đông sở hữu các loại cổ phần khác sẽ do nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông quy định.

5. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Các hợp đồng quy định tại Điều 14.2 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.

Điều 11. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT;

2. Theo khoản 1 điều 115 luật doanh nghiệp;

3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;

4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;

5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

Điều 12. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp khác, theo đề nghị của HĐQT và được Cơ quan đăng ký kinh doanh chấp thuận thì Đại hội đồng cổ đông thường niên có thể được tổ chức sau 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính nhưng không muộn hơn 6 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. HĐQT tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

3. HĐQT phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa;

c. Khi số thành viên của HĐQT ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên HĐQT hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ hoặc HĐQT hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT còn lại như quy định tại Khoản 3c Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 3d và 3e Điều 13 của Điều lệ này.

b. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 13 thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế HĐQT triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4b Điều 13 thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3d Điều 13 có quyền thay thế HĐQT, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 13. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;

b. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;

c. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT và Ban tổng giám đốc;

d. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng thành viên Ban kiểm soát;

e. Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT;

f. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;

g. Các vấn đề khác theo quy định của Pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:

a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;

b. Quyết định mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà HĐQT đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

c. Số lượng thành viên của HĐQT;

d. Lựa chọn công ty kiểm toán;

e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên HĐQT và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc HĐQT bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành;

f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT và báo cáo tiền thù lao của HĐQT;

g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

h. Theo khoản 2 điểm b điều;

i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;

l. Quyết định đầu tư, các giao dịch mua/ bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh có giá trị từ 35% vốn chủ sở hữu trở lên của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; Quyết định thành lập công ty con hoặc góp vốn vào công ty khác với mức vốn thành lập hoặc góp có giá trị từ 35% vốn chủ sở hữu của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.

m. Mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;

n. Việc Tổng giám đốc đồng thời làm Chủ tịch HĐQT;

o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những đối tượng (tổ chức hoặc cá nhân) được quy định tại Điều 162.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;

q. Trường hợp thay đổi vốn điều lệ;

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

4. Các thông tin, thông báo giữa công ty và cổ đông có thể được thực hiện thông qua hình thức gửi văn bản bằng thư bảo đảm/ fax/ gửi email đến số fax hoặc địa chỉ email của công ty và cổ đông có đăng ký tại công ty. Các thông báo hoặc thông tin của công ty

đến các cổ đông có thể được đăng tải trên website của công ty và/hoặc trên các tờ báo Trung ương hoặc địa phương.

Điều 14. Các đại diện được ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp. Tại các cuộc họp mà do HĐQT triệu tập, HĐQT có thể quy chế cụ thể bằng văn bản cho phép việc ủy quyền qua điện thoại, fax hoặc email nếu đảm bảo được việc xác nhận được và lưu trữ được nội dung ủy quyền;

b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 15. Thay đổi các quyền liên quan đến cổ phần ưu đãi

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí (thông qua hình thức biểu quyết trực tiếp hoặc bằng văn bản) của những đại diện cho ít nhất 65% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.

2. Công ty có thể tổ chức một cuộc họp riêng biệt để lấy ý kiến của các cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi. Việc tổ chức một cuộc họp này chỉ có thể thực hiện khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp nếu việc triệu tập họp lần 1 không có đủ số đại biểu hoặc không đủ tỷ lệ cần thiết để tiến hành thì cuộc họp sẽ được tổ

chức họp lại trong vòng ba mươi (30) ngày tiếp theo, cuộc họp theo triệu tập lần 2 này sẽ được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông (hoặc người đại diện được ủy quyền của cổ đông) nắm giữ cổ phần thuộc loại đó nhưng phải tuân thủ quy tắc chung theo quy định tại Điều 18.2 Điều lệ này. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 16. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 13.4b hoặc Điều 13.4c.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;

b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

d. Các tài liệu sau sẽ được gửi kèm theo thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông hoặc phải được đăng tải trên website của Công ty trước 10 ngày tính đến ngày tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:

– Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

– Phiếu biểu quyết;

– Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Thông báo họp được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin.

Công ty có thể đăng tải các tài liệu họp Đại hội đồng Cổ đông trên website của Công ty (nếu công ty có website) mà không phải gửi kèm thông báo họp, trong trường hợp này địa chỉ truy cập tài liệu họp phải được ghi rõ trong thông báo.

Thông báo họp đại hội đồng cổ đông công bố trên website của Công ty có giá trị như Thông báo mời họp được gửi tận nơi đối với các trường hợp sau đây: (i) cổ đông có địa chỉ không rõ ràng, hoặc (ii) cổ đông mà Công ty không có đủ thông tin địa chỉ để thực hiện gửi thông báo cho cổ đông; (iii) thông báo đã gửi cho cổ đông theo đúng địa chỉ nhưng bị trả về Công ty do không có người nhận.

Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

Trường hợp cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì Công ty phải thực hiện việc công bố thông tin về tổ chức họp cổ đông theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 11.3 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày dự kiến khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Điều 17.4 của Điều lệ này trong các trường hợp sau:

- a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng;
- c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bản bạc và thông qua.

6. HĐQT phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

7. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện 100% tổng số có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

4. Theo đề nghị Chủ tọa, chỉ Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 17.3 của Điều lệ này.

5. Cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng cổ đông theo một trong các hình thức sau đây:

- a. Trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Gửi phiếu biểu quyết bằng thư đảm bảo đến HĐQT chậm nhất 01 ngày trước khi khai mạc cuộc họp. Trong trường hợp này, trưởng ban kiểm phiếu của Đại hội đồng cổ đông có quyền mở phiếu biểu quyết của cổ đông đó;

c. Ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện phần vốn góp tại Công ty, thì tổ chức đó có quyền ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Tùy và điều kiện thực tế số lượng cổ đông, Công ty có thể tổ chức Đại hội đồng cổ đông tại đồng thời nhiều hơn một địa điểm trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam theo nguyên tắc (i) Phải có một địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông tại nơi Công ty đặt trụ sở chính. Địa điểm tổ chức họp này sẽ là địa điểm trung tâm và là nơi Đoàn chủ tịch và thư ký thực hiện quyền điều hành và ghi biên bản toàn bộ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; (ii) Các địa điểm tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông phải được kết nối trực tuyến với nhau, và tất cả các địa điểm họp phải được thông báo tới cổ đông; (iii) Cổ đông có quyền đăng ký tham dự họp tại bất kỳ một trong số những địa điểm họp. Số lượng cổ đông tham dự họp và kết quả biểu quyết sẽ được tập hợp từ tất cả các địa điểm họp; (iv) Tại mỗi địa điểm phải có Ban kiểm tra tư cách cổ đông và Ban kiểm phiếu riêng và được bầu bởi chính các cổ đông tham dự họp tại địa điểm họp đó.

Điều 18. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Thẻ biểu quyết có thể được mã hóa hoặc số hóa để việc biểu quyết và/hoặc kiểm phiếu có thể được thực hiện dựa trên sử dụng phần mềm máy tính hoặc phương tiện công nghệ, kỹ thuật số.

2. Việc biểu quyết và kiểm phiếu được thực hiện theo các phương thức sau đây: (i) Kiểm phiếu biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó kiểm phiếu biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến; hoặc (ii) bằng việc sử dụng phần mềm máy tính và phương tiện công nghệ, kỹ thuật số; hoặc (iii) theo phương thức khác theo Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông và/hoặc được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

4. Đại hội đồng cổ đông do HĐQT triệu tập sẽ do Chủ tịch HĐQT làm Chủ tọa. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì Chủ tọa sẽ được lựa chọn theo thứ tự ưu tiên như sau: (i) Người do HĐQT cử; hoặc (ii) Do Trưởng ban kiểm soát điều khiển Đại hội đồng cổ đông đề bầu ra một chủ tọa. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông không phải do HĐQT triệu tập thì người triệu tập Đại hội đồng cổ đông sẽ điều khiển Đại hội để bầu ra một chủ tọa.

Chủ tọa có quyền chỉ định một hoặc một số người làm Thư ký đại hội; Chủ tọa có quyền đề cử người vào Ban kiểm phiếu để Đại hội đồng cổ đông thông qua.

5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá 03 (ba) ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Điều 19.6 Điều lệ này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

8. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

9. HĐQT có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà HĐQT cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, HĐQT sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.

10. HĐQT, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được HĐQT cho là thích hợp để:

- a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

HĐQT có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu HĐQT thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, HĐQT khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 19. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông có thể được thông qua trực tiếp hoặc thông qua hình thức xin ý kiến bằng văn bản theo quy định tại khoản 1a và 1b sau đây.

a. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây có thể được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản:

- (i) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
- (ii) Quyết định việc trả cổ tức và tỷ lệ cổ tức;
- (iii) Quyết định thông qua báo cáo của HĐQT về hoạt động quản trị trong năm và hoạt động của các thành viên HĐQT trong năm;
- (iv) Quyết định thông báo cáo của Ban kiểm soát và báo cáo về hoạt động kiểm soát trong năm của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát;
- (v) Quyết định thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm (trong đó có báo cáo tài chính) và thông qua phương hướng, kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho thời gian không quá 03 năm tiếp theo.
- (vi) Thông qua việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty và các quyết định khác thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT nhưng phải thông qua Đại hội đồng cổ đông theo quy định;
- (vii) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và Ban kiểm soát;
- (viii) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- (ix) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, và không thuộc trường hợp quy định tại điểm b dưới đây.

b. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- (i) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% vốn chủ sở hữu được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; Quyết định thành lập công ty con hoặc góp vốn vào công ty khác với mức vốn từ 35% vốn chủ sở hữu trở lên tổng tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.
- (ii) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- (iii) Thay đổi, bổ sung ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- (iv) Thay đổi cơ cấu tổ chức Công ty, sáp nhập, hợp nhất hoặc tổ chức lại, giải thể công ty.
- (v) Phương hướng, kế hoạch hoạt động của Công ty có thời gian từ 03 năm trở lên.

2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được quyết định hoặc thông qua theo quy định sau:

a. Đối với các nội dung quy định tại điểm (i) khoản 1a và các quy định tại khoản 1b điều này chỉ được thông qua khi được sự đồng ý của từ 65% trở lên tổng số phiếu có quyền biểu quyết tham dự họp và/hoặc thông qua hình thức xin ý kiến bằng văn bản (đối với nội dung tại điểm (i) khoản 1a).

b. Trừ các nội dung quy định tại khoản 2a nêu trên và trừ các nội dung theo quy định tại khoản 2c dưới đây, những nội dung còn lại quy định tại khoản 1a điều này, cũng như các nội dung khác được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi được sự đồng ý của từ 51% trở lên tổng số phiếu có quyền biểu quyết tham dự họp hoặc quyền biểu quyết thông qua hình thức xin ý kiến bằng văn bản.

c. Trường hợp bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT và Ban kiểm soát (quy định tại điểm (vii) khoản 1a điều này sẽ được thực hiện và thông qua theo quy định tại khoản 3 điều này mà không phụ thuộc vào hình thức họp trực tiếp hay xin ý kiến cổ đông bằng văn bản.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết bằng tích của số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên dự kiến của HĐQT hoặc ban kiểm soát [ví dụ: Cổ đông A sở hữu 100 cổ phiếu có quyền biểu quyết, Công ty dự kiến bầu 5 thành viên HĐQT. Như vậy cổ đông A có $(100 \times 5) = 500$ quyền bầu HĐQT mà không phụ thuộc vào số ứng cử viên HĐQT là nhiều hơn hay ít hơn 5]. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên.

4. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty nhưng phải đảm bảo đạt được ít nhất 51% số phiếu bầu của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc Ban kiểm soát, thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của quy chế bầu cử hoặc do hai ứng cử viên đó hiệp thương đạt được kết quả một người rút lui, trường hợp này phải có xác nhận bằng văn bản của người rút lui gửi Ban kiểm phiếu.

5. Đại hội đồng cổ đông thông qua các giao dịch đối với cổ đông nội bộ theo quy định tại Điều 162 Luật Doanh nghiệp thì cổ đông bộ và người liên quan đến cổ đông nội bộ không có quyền biểu quyết trong trường hợp này.

Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua tất cả các quyết định thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty,

2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng cổ đông;

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân/ hoặc số hộ chiếu /hoặc số thẻ căn cước công dân của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của công ty;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;

Phiếu lấy ý kiến đã được gửi đến đúng địa chỉ đăng ký của Cổ đông nhưng không được cổ đông gửi về Công ty theo đúng thời hạn quy định hoặc Phiếu lấy ý kiến không thể gửi được đến cho cổ đông (do không xác định được chính xác địa chỉ của cổ đông, địa chỉ cổ đông không đầy đủ, địa chỉ cổ đông cung cấp không đúng,...) thì được coi là phiếu biểu quyết không hợp lệ.

5. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các quyết định đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 21. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 điều 146 Luật doanh nghiệp.

2. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 (mười) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi

chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Trên cơ sở căn cứ vào nội dung Biên bản Đại hội đồng cổ đông với các nội dung mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua, Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm ban hành Nghị quyết tương ứng, thời hạn ban hành Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong cùng ngày với ngày Biên bản Đại hội đồng cổ đông được thông qua.

4. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực được ghi rõ trong Nghị quyết đó.

5. Biên bản, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải trên website của Công ty thay hoặc phải được gửi trực tiếp đến các cổ đông trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày Biên bản, Nghị quyết được thông qua.

6. Toàn bộ Biên bản, Nghị quyết, danh sách cổ đông tham dự họp, phiếu biểu quyết và biên bản kiểm phiếu và các tài liệu có liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc việc xin ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty trong thời hạn 15 năm.

Điều 22. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 23. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT

1. Số lượng thành viên HĐQT là 05 (năm) người. Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 (năm) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.

2. Thành viên của HĐQT do các cổ đông ứng cử, đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết, như sau:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 25% số cổ phần có quyền đề cử 1/5 (một phần năm) số thành viên HĐQT;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 25% đến dưới 35% số cổ phần có quyền đề cử 2/5 (hai phần năm) số thành viên HĐQT;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 35% đến dưới 51% số cổ phần có quyền đề cử 3/5 (ba phần năm) số thành viên HĐQT;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 51% đến dưới 65% số cổ phần có quyền đề cử 4/5 (bốn phần năm) số thành viên HĐQT;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 65% cổ phần trở lên có quyền đề cử đủ số ứng viên.

Các tỷ lệ 1/5; 2/5; 3/5; 4/5 số thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 2 này sẽ được làm tròn theo nguyên tắc làm tròn xuống (ví dụ: Số lượng thành viên HĐQT là 7, cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 35% đến dưới 51% số cổ phần có quyền đề cử 3/5 (ba phần năm) số thành viên HĐQT bằng $7 \times 3/5 = 4,2$ số thành viên. Như vậy theo nguyên tắc làm tròn, cổ đông hoặc nhóm cổ đông này được quyền đề cử 4 người).

3. Thành viên của HĐQT do các cổ đông đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông. Các cổ đông nắm giữ dưới 10% vốn điều lệ trong thời hạn 6 tháng liên tục được quyền gộp tỷ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để bỏ phiếu đề cử các thành viên HĐQT. Ứng cử viên là người có kiến thức, kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh của Công ty sẽ do HĐQT nhiệm kỳ trước đề cử bằng văn bản gửi Đại hội đồng cổ đông.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử ứng cử viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử

5. Thành viên HĐQT sẽ không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT. Thời điểm thành viên HĐQT này bị chấm dứt tư cách sẽ là thời điểm thành viên đó không còn đủ tư cách hoặc bị cấm tham gia vào HĐQT mà không phụ thuộc vào thời điểm Đại hội đồng cổ đông ra quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm tư cách của thành viên đó;

b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi. Trường hợp này HĐQT có thể ra quyết định đình chỉ tư cách thành viên và liên đới chịu trách nhiệm về cơ sở pháp lý của quyết định này;

d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này HĐQT không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

e. Thành viên đó bị cách chức thành viên HĐQT theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

6. HĐQT có thể bổ nhiệm thành viên HĐQT mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được HĐQT bổ nhiệm và thành viên HĐQT được bầu bổ sung thực hiện tiếp phần thời gian còn lại của nhiệm kỳ HĐQT. Trường hợp không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên HĐQT đó vẫn có hiệu lực trong khoảng thời gian từ khi được HĐQT bổ nhiệm đến thời điểm Đại hội đồng Cổ đông có nghị quyết không chấp nhận.

7. Việc bổ nhiệm, từ nhiệm, miễn nhiệm các thành viên HĐQT phải được thông báo/ công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

8. Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

Điều 24. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. HĐQT có trách nhiệm giám sát Chủ tịch HĐQT – Người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc và các bộ phận quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh của Công ty.

3. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a. Xây dựng kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của công ty và trình Đại hội đồng cổ đông công ty thông qua và chỉ đạo Ban tổng giám đốc thực hiện các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;

d. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;

e. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;

f. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

g. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

h. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

i. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của công ty;;

j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;

k. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.

l. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật Doanh nghiệp;

m. Quyết định các hợp đồng, hoặc phương án, dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 20% đến dưới 35% vốn chủ sở hữu ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; Quyết định thành lập công ty con hoặc góp vốn vào công ty khác, với mức vốn góp có giá trị từ 20% đến dưới 35% vốn chủ sở hữu ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

n. Thông qua các giao dịch có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất với các đối tượng thuộc quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp.

o. Thông qua các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và giá trị vượt quá 5 tỷ đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm;

p. Cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp của Công ty tại các công ty khác.

q. Thông qua chủ trương thành lập, giải thể, sáp nhập các Chi nhánh, các Văn phòng đại diện, các xí nghiệp của Công ty.

r. Trên cơ sở đề xuất của Người đại diện theo pháp luật, HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, quyết định mức lương và lợi ích khác đối với Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty. Căn cứ vào quyết định của HĐQT, Người đại diện theo pháp luật của Công ty sẽ ký kết hợp đồng lao động hoặc chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty.

s. Thông qua các Quy chế quản trị của công ty trên cơ sở đề xuất của Người đại diện theo pháp luật;

t. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

u. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

v. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; Quyết định phân bổ các quỹ của Công ty đúng với mục đích đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

w. Quyết định việc thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty, trừ các khoản bồi thường theo Quyết định của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

x. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ và Quyết định do Đại hội đồng cổ đông quy định.

4. Ngoài những thẩm quyền quy định tại khoản 3 điều này, HĐQT có thể thay mặt Đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề sau trên cơ sở đã được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn bằng Nghị quyết:

a. Thay mặt Đại hội đồng cổ đông và trên cơ sở được sự đồng ý của Đại hội đồng cổ đông, thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% vốn chủ sở hữu được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.

b. Định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

c. Quy định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của công ty;

d. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

5. HĐQT phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của HĐQT đối với Người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp HĐQT không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được HĐQT thông qua.

6. Thành viên HĐQT (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao cho HĐQT sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên HĐQT theo thoả thuận trong HĐQT hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

7. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên HĐQT (và số tiền thù lao cho từng thành viên) phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

8. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành, hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.

9. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của HĐQT, hoặc các tiểu ban của HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 25. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. HĐQT phải lựa chọn trong số các thành viên HĐQT để bầu ra một Chủ tịch. HĐQT có quyền bãi miễn chức danh Chủ tịch HĐQT mà mình bầu ra. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc của Công ty.

2. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của HĐQT, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp Chủ tịch HĐQT tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của mình vì bất kỳ lý do nào đó, và nếu HĐQT cần phải họp khẩn cấp thì Chủ tịch HĐQT có quyền chỉ định một thành viên HĐQT thay thế, trường hợp Chủ tịch HĐQT không chỉ định người thay thế thì các thành viên HĐQT sẽ bầu một trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch, việc bầu này được thực hiện theo nguyên tắc đa số quá bán. Trong mọi trường hợp, người thay thế chỉ được quyền thay mặt Chủ tịch HĐQT trong thời gian Chủ tịch HĐQT không thể thực hiện nhiệm vụ của mình; và việc thay thế này chỉ giới hạn ở phạm vi thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của chức danh Chủ tịch HĐQT, không có giá trị thay thế các chức năng, nhiệm vụ của chức danh Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

3. Chủ tịch HĐQT phải có trách nhiệm đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

4. Ngoài các quyền hạn và nghĩa vụ nêu trên, Chủ tịch HĐQT có đầy đủ các quyền hạn và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định tại Điều 29 Điều lệ này.

5. Trường hợp Chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi miễn, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày.

Điều 26. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp HĐQT bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch HĐQT phải lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba ngày làm việc trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.

3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a. Ban Tổng giám đốc;
- b. Hai thành viên HĐQT;
- d. Đa số thành viên Ban kiểm soát.

4. Các cuộc họp HĐQT nêu tại Khoản 3 Điều 26 của điều lệ này phải được tiến hành trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày sau khi có đề nghị họp. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; trong trường hợp này những người đề nghị tổ chức cuộc họp được quy định tại Khoản 3 Điều 27 có thể tự mình triệu tập họp HĐQT.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để thảo luận về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.

7. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT ít nhất (03) ba ngày làm việc trước khi tổ chức họp. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại công ty.

Trừ trường hợp bất khả kháng, các thành viên HĐQT có nghĩa vụ tham dự trực tiếp hoặc ủy quyền cho người khác tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT.

8. Số thành viên tham dự tối thiểu. Các cuộc họp của HĐQT chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.

9. Biểu quyết.

a. Trừ quy định tại Khoản 9b Điều 26 của điều lệ này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT sẽ có một phiếu biểu quyết;

b. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên HĐQT sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Khoản 9d Điều 26 của điều lệ này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của HĐQT liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên

HĐQT khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 34.4a và Điều 26.9b của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

10. Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số. HĐQT thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

12. Hợp trên điện thoại hoặc các hình thức khác. Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

13. Lấy ý kiến bằng văn bản. HĐQT có thể thông qua các nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản trong trường hợp này, Chủ tịch HĐQT phải gửi phiếu lấy ý kiến đến tất cả các thành viên HĐQT, nội dung, trình tự, thủ tục được áp dụng tương tự như trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản quy định tại Điều 20 Điều lệ này. Một nghị quyết được thông qua bằng hình thức lấy kiến bằng văn bản phải được tối thiểu 2/3 tổng số thành viên HĐQT tán thành. Nghị quyết loại này có hiệu lực như nghị quyết được HĐQT thông qua tại mọi cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản và mỗi bản sao đó có ít nhất 1 chữ ký của thành viên.

14. Biên bản họp HĐQT. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp HĐQT cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp.

15. Các tiểu ban của HĐQT. HĐQT có thể thành lập và uỷ quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của

HĐQT và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của HĐQT. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà HĐQT đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên HĐQT vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng phải bảo số thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của Tiểu ban. Giá trị pháp lý của các nghị quyết được thông qua bởi các tiểu ban có giá trị như các nghị quyết được thông qua bởi HĐQT với điều kiện (i) các nội dung nghị quyết này nằm trong phạm vi ủy quyền của Hội đồng quản trị cho tiểu ban đó, (ii) các nghị quyết này được thông qua bởi đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp tiểu ban chấp thuận và (iii) đa số thành viên của tiểu ban là thành viên HĐQT tham dự chấp thuận.

16. Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc HĐQT có thể có sai sót.

VIII. HỆ THỐNG QUẢN LÝ, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 27. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty ban hành một hệ thống quản lý, tạo nên một bộ máy quản lý Công ty gồm có: Văn phòng, các Phòng, ban; các Xí nghiệp Cấp nước trực thuộc và các xí nghiệp/ đơn vị khác do Công ty thành lập; do Chủ tịch HĐQT và là Người đại diện theo pháp luật của Công ty điều hành và chịu trách nhiệm trước HĐQT. Người đại diện theo pháp luật sẽ do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Các chức danh Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty sẽ do HĐQT bổ nhiệm trên cơ sở đề xuất của Người đại diện theo pháp luật.

Các chức danh quản lý khác trong Công ty bao gồm: các Phó tổng giám đốc; Giám đốc/phó giám đốc chi nhánh; Trưởng/phó phòng/ban; Quản đốc/phó quản đốc phân xưởng và các chức danh quản lý tương đương khác trong Công ty sẽ do Người đại diện theo pháp luật của Công ty tuyển dụng hoặc bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm.

Cán bộ, công nhân viên (người lao động) trong Công ty do Người đại diện theo pháp luật của Công ty tuyển dụng, chấm dứt tuyển dụng, sa thải. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể phân công cho Tổng giám đốc hoặc Phó tổng giám đốc thực hiện một phần hoặc toàn bộ quyền hạn này dưới hình thức ủy quyền bằng văn bản.

Cán bộ, công nhân viên trong Công ty có thể đương nhiệm làm thành viên HĐQT (khi được Đại hội đồng cổ đông bầu) mà không bị giới hạn bởi vị trí công việc đang làm.

Cán bộ, công nhân viên Công ty có thể tham gia vào Ban kiểm soát (khi được Đại hội đồng cổ đông bầu) nếu tuân thủ các quy định của pháp luật và tại Điều lệ này.

Điều 28. Người đại diện theo Pháp luật

1. Chủ tịch HĐQT là Người đại diện theo pháp luật của Công ty. Biên bản và Nghị quyết của HĐQT thông qua việc bầu Chủ tịch HĐQT sẽ đồng nghĩa với quyết định bổ nhiệm Người đại diện theo pháp luật của Công ty. Trong Biên bản và Nghị quyết này, HĐQT phải quy định rõ mức lương và quyền lợi khác của Người đại diện theo pháp luật của Công ty. Biên bản và Nghị quyết bầu Chủ tịch HĐQT của HĐQT Công ty phải có đầy đủ chữ ký của các thành viên tham dự họp.

2. Nhiệm kỳ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty theo nhiệm kỳ của HĐQT là 05 năm trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quy định khác. Người đại diện theo pháp luật của Công ty không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

Trong trường hợp vì bất kỳ một lý do nào đó mà Công ty không có người nắm giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT, thì Tổng giám đốc Công ty sẽ thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty, nhưng trong thời hạn không quá 30 ngày. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày Công ty không có người nắm giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT thì HĐQT có nghĩa vụ họp và bầu ra Chủ tịch HĐQT mới.

3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có các quyền hạn, nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của HĐQT, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng, hoặc phương án, dự án đầu tư hoặc bán tài sản (không thuộc trường hợp quy định tại điểm o, khoản 3, điều 25, Điều lệ này) có giá trị dưới 20 % vốn chủ sở hữu ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; Quyết định góp vốn vào công ty khác, với mức vốn góp có giá trị dưới 20 % vốn chủ sở hữu ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Báo cáo tài chính gần nhất được hiểu là báo cáo tài chính của Công ty được lập không quá 90 ngày trước ngày ra quyết định.

c. Trừ Quy chế quản trị thuộc thẩm quyền ban hành của HĐQT (theo quy định tại điểm s, khoản 3, điều 24, Điều lệ này), Người đại diện theo pháp luật của Công ty có thẩm quyền ban hành các quy chế, quy định nội bộ và quy trình làm việc của Công ty, hệ thống thang bảng lương và chế độ đãi ngộ và các điều kiện lao động trong Công ty; Quy chế quản lý tài chính; Quy trình làm việc của các Xí nghiệp, đơn vị trong Công ty...

d. Đề xuất, kiến nghị với HĐQT về mức lương, điều kiện làm việc, thời hạn hợp đồng lao động và các chế độ đãi ngộ khác (nếu có) của các chức danh do HĐQT trực tiếp bổ nhiệm là Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty.

e. Ký bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý thuộc thẩm quyền theo quy định tại điều 28 của Điều lệ này.

f. Bổ nhiệm các chức vụ khác không thuộc thẩm quyền của HĐQT, ký hợp đồng lao động với toàn bộ người lao động trong Công ty.

g. Chậm nhất vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm.

h. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và HĐQT thông qua;

i. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

j. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

k. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của HĐQT và pháp luật.

4. Báo cáo lên HĐQT và các cổ đông: Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm trước HĐQT và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể ủy quyền cho Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, và các chức danh quản lý khác trong Công ty thực hiện thay một hoặc một số các quyền hạn, nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty. Việc ủy quyền theo quy định này phải được lập thành văn bản và phải được lưu trữ tại Công ty trong thời hạn 15 năm.

Điều 29. Ban Tổng giám đốc

1. Ban Tổng giám đốc bao gồm Tổng giám đốc và các Phó tổng giám đốc. Trong từng trường hợp cụ thể các thành viên HĐQT làm việc kiêm nhiệm tại Công ty có thể được bổ sung vào Ban Tổng giám đốc theo đề xuất của Chủ tịch HĐQT và quyết định của HĐQT. Ban Tổng giám đốc là người giúp việc cho Người đại diện theo pháp luật của Công ty. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm điều hành hoạt động của Ban Tổng giám đốc và có thể giao cho các thành viên trong Ban Tổng giám đốc thay mặt mình quản lý, giải quyết hoặc thực hiện bất kỳ một công việc hoặc một mảng công việc của Công ty.

2. Trước khi trình Người đại diện theo pháp luật của Công ty quyết định, Ban Tổng giám đốc có nhiệm vụ cùng thảo luận và thống nhất những công việc trọng yếu sau của Công ty:

- Lập kế hoạch chiến lược về nhân sự của Công ty. Xác định số lượng nhân sự (nhân sự quản lý và cán bộ, công nhân viên) trong Công ty trong từng thời kỳ nhằm đảm bảo thực hiện đạt được hoặc vượt mức chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh được giao. Trong từng giai đoạn cụ thể, số lượng cán bộ quản lý trong Công ty phải được hoạch định theo nguyên tắc sau: (i) Số lượng và chất lượng cán bộ quản lý phải phù hợp với yêu cầu của công việc cần quản lý. (ii) Đạo đức cán bộ quản lý phải minh bạch, liêm khiết và mẫu mực với công việc. (iii) Cán bộ quản lý phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hoạt động, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao của đơn vị mà mình quản lý. (iv) Trung thành với Công ty.

- Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh cho các năm tài chính.

- Bàn bạc và đề xuất việc ký kết các hợp đồng, hoặc phương án, dự án đầu tư quan trọng hoặc bán tài sản có giá trị lớn nhưng ở mức dưới 20% vốn chủ sở hữu ghi trong báo cáo tài chính quý gần nhất của Công ty.

- Đề xuất các chức danh nhân sự thuộc thẩm quyền của Người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định tại Điều 27 Điều lệ này.

- Thực hiện các chiến lược, kế hoạch công việc trong năm của Công ty mà Đại hội đồng cổ đông và HĐQT giao.

Tùy thuộc vào nội dung cụ thể, Người đại diện theo pháp luật của Công ty có quyền yêu cầu Kế toán trưởng, Thư ký công ty, Giám đốc chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện, Trưởng phòng, Giám đốc (quản đốc) phân xưởng và các cán bộ quản lý khác có thể tham dự các cuộc họp bàn về các nội dung quy định tại khoản 2 điều này.

Điều 30. Cán bộ quản lý khác

1. Số lượng cán bộ quản lý trong từng thời kỳ do Người đại diện theo pháp luật của Công ty quyết định.

2. Trong trường hợp Ban kiểm soát phát hiện thấy bất kỳ cán bộ quản lý nào có hành vi vi phạm pháp luật hoặc hành vi đi ngược lại với lợi ích của Công ty thì Ban kiểm soát có

quyền yêu cầu kiểm tra hoạt động của cán bộ quản lý đó và gửi kết luận bằng văn bản tới cấp có thẩm quyền trong Công ty xử lý.

Điều 31. Kế toán trưởng

Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm nhằm đảm bảo tính khách quan trong quan hệ công việc của Công ty. Kế toán trưởng chịu sự điều hành và quản lý trực tiếp của Người đại diện theo pháp luật của Công ty. Kế toán trưởng có nhiệm vụ sau đây:

a. Thiết lập, tổ chức và quản lý hệ thống kế toán phù hợp với tình hình sản xuất, kinh doanh của Công ty.

b. Quản lý và thực hiện toàn bộ hoạt động hạch toán, kế toán, thu, chi kế toán, lưu trữ sổ sách chứng từ kế toán của Công ty theo đúng chuẩn mực kế toán và theo quy định pháp luật hiện hành.

c. Báo cáo và chịu trách nhiệm thực hiện trước Người đại diện theo pháp luật của Công ty về việc thực hiện các nghĩa vụ thuế có liên quan đến hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành.

d. Đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của kế toán viên, thủ quỹ, thủ kho. Phổ biến các quy định pháp luật hiện hành liên quan đến hoạt động hạch toán, kế toán trong Công ty.

e. Trong trường hợp có yêu cầu, Kế toán trưởng báo cáo trực tiếp HĐQT về những thông tin, tình hình tài chính của Công ty.

Kế toán trưởng không phải là người có liên quan đến Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Công ty.

Điều 32. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

a. Chuẩn bị tài liệu và tổ chức các cuộc họp của HĐQT, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát và lập biên bản cuộc họp.

b. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.

c. Tham dự các cuộc họp.

d. Đảm bảo các nghị quyết của HĐQT phù hợp với luật pháp.

e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và Ban kiểm soát.

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trừ những thời gian làm thực hiện các công việc theo quy định tại mục a,b,c,d,e trên đây, Thư ký công ty chịu sự điều hành và quản lý của Tổng giám đốc trong công việc hàng ngày. Thư ký công ty có thể kiêm nhiệm công việc khác trong Công ty.

IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 33. Thành viên HĐQT, Người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ sau đây :

Thành viên HĐQT, Người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả các nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của HĐQT một cách trung thực, cẩn trọng và tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty đúng quy định của pháp luật, điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên HĐQT, Người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên HĐQT, Người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

3. Cán bộ cấp trên không được dùng vị thế công việc của mình để gây áp lực cho cấp dưới nhằm trục lợi cá nhân. Tôn trọng lợi ích của Công ty, không được tham ô tài sản của Công ty, không được thực hiện bất kỳ hành vi nào, dưới bất kỳ hình thức nào nhằm mục đích biến tài sản, lợi ích của Công ty thành tài sản, lợi ích của cá nhân

4. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên HĐQT, Người đại diện theo Pháp luật, thành viên Ban Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, Người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên HĐQT, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên HĐQT đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào HĐQT hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:

a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% vốn chủ sở hữu được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên HĐQT đã được báo cáo cho HĐQT hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, HĐQT hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của vốn chủ sở hữu được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên HĐQT đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao

dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc một tiểu ban trực thuộc HĐQT hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

6. Thành viên HĐQT, Người đại diện theo pháp luật của Công ty, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của công ty hoặc công ty con của công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 35. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên HĐQT, Người đại diện theo pháp luật, thành viên Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm các quy định tại Điều 34,35 Điều lệ này hoặc không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm và bồi thường về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay công ty con của Công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên HĐQT, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

X. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý và trong ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. Ban kiểm soát bầu một thành viên trong ban kiểm soát làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;
- c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

2. Cổ đông nắm giữ ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền ứng cử, đề cử người tham gia vào Ban kiểm soát như sau:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 35% số cổ phần có quyền đề cử 1/3 (một phần ba) số thành viên Ban kiểm soát;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 35% đến dưới 51% số cổ phần có quyền đề cử 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban kiểm soát;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 51% số cổ phần trở lên có quyền đề cử đủ số ứng viên Ban kiểm soát.

3. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

- a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
- b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;
- c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
- e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37. Ban kiểm soát

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát và phòng làm việc riêng tại văn phòng Công ty. Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 163 đến Điều 169 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

- a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
- b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;
- d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Đại Hội đồng cổ đông;
- e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;
- g. Kiểm tra kết quả hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ Công ty;

- h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý;
- i. Kiểm tra sự tuân thủ các quy định nội bộ và quy định pháp luật đối với toàn bộ hoạt động của Công ty, hoạt động của HĐQT, hoạt động của Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý trong Công ty.

2. Thành viên của HĐQT, Người đại diện theo pháp luật, thành viên Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên HĐQT và bản sao các biên bản họp HĐQT sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho HĐQT.

3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.

4. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát sẽ do Đại hội đồng cổ đông thông qua trong đại hội thường niên. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 38. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điều 23.3 và 36.2 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và HĐQT, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ công ty miễn phí. Trường hợp công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.

XII. CÁC TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ ĐOÀN THỂ

Điều 39. Các tổ chức đảng và đoàn thể

1. Công đoàn:

a. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo

b. Công ty phải tổ chức, thiết lập công đoàn cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành. Thiết lập mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

2. Các đoàn thể khác:

a. Công ty khuyến khích toàn thể cán bộ, công nhân viên tham gia vào Đảng cộng sản Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Việt Nam, Hội liên hiệp phụ nữ và các tổ chức đoàn thể xã hội, tổ chức nghề nghiệp khác được thành lập theo quy định của pháp luật hiện hành.

b. Công ty tạo điều kiện, không ngăn cản hoạt động của các tổ chức nêu trên trong nội bộ Công ty theo nguyên tắc đảm bảo không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 40. Cổ tức

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và dựa trên đề nghị của HĐQT.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, HĐQT có thể quyết định thanh toán/tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.

3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. HĐQT có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và HĐQT là cơ quan thực thi nghị quyết này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng tiền mặt/ chuyển khoản vào tài khoản cổ đông đã đăng ký với công ty hoặc thanh toán bằng séc /lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng. Trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ đông đã thực hiện lưu ký cổ phiếu của mình tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam sẽ được thực hiện chi trả thông qua Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức mà cổ đông được nhận.

7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, HĐQT có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày chốt danh sách cổ đông được hưởng quyền. Căn cứ theo ngày đó, những cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền tham gia phiên họp Đại hội đồng cổ đông; nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác theo phê duyệt của HĐQT. Ngày chốt danh sách này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

8. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Trình tự, thủ tục thanh toán cổ tức được thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 132 Luật Doanh nghiệp.

Điều 41. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của Pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, TRÍCH LẬP QUỸ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 42. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại tối thiểu một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản. Công ty cũng có thể thực hiện các phương thức thanh toán và giao dịch khác theo quyết định của HĐQT và/ hoặc Người đại diện theo Pháp luật.

Điều 43. Trích lập quỹ

Hàng năm căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh, HĐQT có thể đề nghị Đại Hội đồng cổ đông quyết định tỉ lệ trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi:

- Quỹ đầu tư phát triển được trích đến 25 % trên tổng lợi nhuận sau thuế, quỹ đầu tư phát triển được trích đến khi đạt 10% vốn điều lệ.

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích đến 15 % trên tổng lợi nhuận sau thuế.

Điều 44. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (giấy phép kinh doanh) đó.

Điều 45. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Việc Kiểm toán báo cáo tài chính, công ty phải thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 46. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty phải lập và hoàn thành việc kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.

2. Trường hợp cổ phiếu Công ty niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thì Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Luật chứng khoán.

3. Các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng (nếu có) của Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

Điều 47. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của pháp luật và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan quản lý khác theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 48. Kiểm toán

1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ lựa chọn một hoặc một vài công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và đủ tiêu chuẩn kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có thể ủy quyền cho HĐQT thực hiện việc lựa chọn đơn vị kiểm toán.

2. Thời hạn hoàn thành báo cáo tài chính và kiểm toán báo cáo tài chính theo quy định tại khoản 1 Điều 49 Điều lệ này. Kết quả kiểm toán (thư kiểm toán) phải được đính kèm báo cáo tài chính sau khi kiểm toán.

3. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XVII. CON DẤU

Điều 49. Con dấu

1. Công ty chỉ lưu hành và sử dụng 01 mẫu dấu tại mỗi thời điểm. Nội dung, hình thức con dấu do HĐQT quyết định trên cơ sở tuân thủ các quy định của Pháp luật. HĐQT có trách nhiệm ban hành quy chế quản lý và sử dụng con dấu để đảm bảo việc sử dụng con dấu an toàn và tuân thủ quy định của Pháp luật.

2. HĐQT, Người đại diện theo pháp luật, Ban Tổng giám đốc thực hiện sử dụng và quản lý con dấu theo quy định tại quy chế quản lý và sử dụng con dấu do HĐQT ban hành và theo các quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 50. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

a. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;

b. Giải thể công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

c. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, HĐQT thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 51. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên HĐQT và cổ đông

Trừ khi Điều lệ này hoặc pháp luật có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa tổng số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên HĐQT có quyền đề đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể công ty theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên HĐQT không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để HĐQT hoạt động.

2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên HĐQT.

3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể Công ty sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 52. Thanh lý

1. Sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba thành viên. Hai thành viên do Hội đồng quản trị trong số cổ đông hoặc cán bộ quản lý hoặc nhân viên Công ty và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

a. Các chi phí thanh lý;

b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;

c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;

d. Các khoản vay (nếu có);

e. Các khoản nợ khác của Công ty;

f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

a. Cổ đông với Công ty; hoặc

b. Cổ đông với HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu tới Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 54. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định trừ các trường hợp sau sẽ do Hội đồng quản trị quyết định bổ sung, sửa đổi Điều lệ:

- Trường hợp sửa đổi số vốn điều lệ ghi trong Điều lệ này, sau khi hoàn thành việc thực hiện phát hành thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán theo Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua; và

- Trường hợp bổ sung, sửa đổi địa chỉ các chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị về việc thành lập mới hoặc đóng cửa hoặc thay đổi địa chỉ các chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 55. Ngày hiệu lực

1. Điều lệ này gồm 21 chương 56 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp Thoát Nước Long An nhất trí thông qua ngày..... tháng năm 2016 tại Long An và có hiệu lực toàn văn kể từ ngày được thông qua. Kể từ ngày Điều lệ này có hiệu lực, tất cả các Bản Điều lệ được ban hành trước đó đều chấm dứt hiệu lực thi hành.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản gốc, có giá trị như nhau, và được lưu trữ tại Công ty. Việc sử dụng bản gốc Điều lệ sẽ do HĐQT quyết định.

3. Nội dung toàn văn trong Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty

4. Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 ủy quyền cho Chủ tịch hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát, Tổng giám đốc ký Điều lệ này. Những người được ủy quyền phải ký tại toàn bộ các trang của Điều lệ, và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác của Điều lệ.

5. Con dấu của Công ty được đóng giáp lai tất cả các trang của Điều lệ, và đóng trên chữ ký của Chủ tịch hội đồng quản trị tại trang cuối.

6. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên HĐQT mới có giá trị.

KÝ XÁC NHẬN

Chức danh	Họ và tên	Chữ ký
Chủ tịch HĐQT		
Trưởng ban kiểm soát		
Tổng giám đốc		